

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 44

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cây ăn trái và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Dương Trần Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Đình Vũ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Hay mặt Ban Giám đốc:




Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61280353/19548843

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”), được lập Ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 9.161.050 ngàn VND. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.393.519.430 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 17.3 và 17.4 của báo cáo tài chính riêng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2018-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		988.041.722	2.760.454.724
110	I. Tiền	4	24.413.533	144.092.732
111	1. Tiền		24.413.533	144.092.732
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		947.187.168	2.612.035.069
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	202.555.014	75.936.361
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	237.014.145	7.405.264
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	25	10.302.285	611.768.955
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	497.315.724	1.916.924.489
140	III. Hàng tồn kho	8	13.194.564	2.514.356
141	1. Hàng tồn kho		13.570.601	2.786.956
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(376.037)	(272.600)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.246.457	1.812.567
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		34.610	540.242
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	2.926.016	986.494
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	285.831	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.185.941.613	16.658.835.728
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.746.922.974	3.874.467.877
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	25	4.491.728.289	3.853.343.420
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.255.194.685	21.124.457
220	II. Tài sản cố định		27.270.615	40.661.481
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.840.044	10.247.913
222	Nguyên giá		22.319.279	28.256.563
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(19.479.235)	(18.008.650)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	24.430.571	30.413.568
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.766.614)	(17.783.617)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	11.410.317.157	12.743.162.129
251	1. Đầu tư vào các công ty con		11.188.437.485	12.563.586.935
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(64.124.964)	(106.429.442)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.430.867	544.241
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.430.867	544.241
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.173.983.335	19.419.290.452

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.155.765.380	9.391.911.447
310	I. Nợ ngắn hạn		2.381.561.152	1.124.466.235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	168.392.727	72.458.084
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	115.201.505	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	183.501	229.158
314	4. Phải trả người lao động		279.547	2.647.623
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	189.610.019	49.257.238
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.504.320.548	366.505.359
320	7. Vay ngắn hạn	17	403.573.305	633.368.773
330	II. Nợ dài hạn		5.774.204.228	8.267.445.212
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	14	-	62.765.852
337	2. Phải trả dài hạn khác	15	678.380.824	90.503.476
338	3. Vay dài hạn	17	5.095.823.404	8.114.175.884
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.018.217.955	10.027.379.005
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	10.018.217.955	10.027.379.005
411	1. Vốn cổ phần		7.671.438.950	7.671.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	1.064.550.810
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.282.228.195	1.291.389.245
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.291.389.245	1.185.386.411
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(9.161.050)	106.002.834
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.173.983.335	19.419.290.452



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	1.116.144.245	188.970.898
11	2. Giá vốn hàng bán		(937.094.639)	(173.574.358)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		179.049.606	15.396.540
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	591.314.027	794.749.353
22	5. Chi phí tài chính	20	(709.636.650)	(663.659.663)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(540.394.590)	(549.707.937)
25	6. Chi phí bán hàng	21	(45.011.892)	(12.733.911)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(39.041.110)	(22.398.389)
30	8. (Lỗ) Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(23.326.019)	111.353.930
31	9. Thu nhập khác	22	18.951.604	838.824
32	10. Chi phí khác	22	(4.786.635)	(6.189.920)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		14.164.969	(5.351.096)
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.161.050)	106.002.834
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	-	-
60	14. (Lỗ) Lợi nhuận sau thuế TNDN		(9.161.050)	106.002.834



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.161.050)	106.002.834
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	8.332.274	9.515.998
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng dự phòng		(42.201.041)	104.332.253
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(378.096)	793.308
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(390.356.514)	(794.734.625)
06	Chi phí lãi vay		549.233.077	556.325.125
08	Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		115.468.650	(17.765.107)
09	Tăng các khoản phải thu		(378.998.012)	(63.844.907)
10	Tăng hàng tồn kho		(10.783.645)	(1.758.060)
11	Tăng(giảm) các khoản phải trả		253.490.348	(4.711.044)
12	Tăng chi phí trả trước		(380.994)	(506.096)
14	Tiền lãi vay đã trả		(162.614.335)	(311.099.880)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(183.817.988)	(399.685.094)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.380.530)	(402.756)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		755.728	1.363.300
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		-	(725.136.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		381.207.754	292.295.457
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.019.147.150)
26	Tiền thu hồi bán công ty con		1.330.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay		118.468.243	283.137.065
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.829.051.195	(5.167.890.084)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.652.000.000
33	Tiền thu từ đi vay, mượn	17	1.389.030.087	4.479.120.930
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn	17	(3.153.939.102)	(420.026.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(1.764.909.015)	5.711.094.930
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(119.675.808)	143.519.752
60	Tiền đầu năm		144.092.732	572.980
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.391)	-
70	Tiền cuối năm	4	24.413.533	144.092.732



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Đắc Lắc, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,70
(13) Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	99,70

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(14) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,50
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	69,50
(16) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(17) Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(18) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(19) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(20) Công ty TNHH Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(21) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cây ăn trái và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 137 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 68).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 9.161.050 ngàn VND. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.393.519.430 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 17.3 và 17.4 của báo cáo tài chính riêng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã vi phạm của các hợp đồng vay và thế chấp có liên quan. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân giá quyền.
---	---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Chương trình phần mềm	5 – 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản mang lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

19103201/17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Bên liên quan

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		Ngàn VND
Tiền mặt	286.790	138.078
Tiền gửi ngân hàng	24.126.743	143.954.654
TỔNG CỘNG	24.413.533	144.092.732

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
		Ngàn VND
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	111.492.402	45.077.426
Phải thu từ các bên thứ ba	91.062.612	30.858.935
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	34.400.372	8.512.668
- Ông Trần Trọng Hùng	21.582.351	12.464.980
- Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Cánh Đồng Vàng	13.023.310	705.597
- Khách hàng khác	22.056.579	9.175.690
TỔNG CỘNG	202.555.014	75.936.361

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		Ngàn VND
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	225.454.321	3.805.424
Trả trước cho các bên thứ ba	11.559.824	3.599.840
TỔNG CỘNG	237.014.145	7.405.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		Ngàn VND
Ngắn hạn	497.315.724	1.916.924.489
Phải thu lãi cho vay	453.186.982	1.790.227.345
Thanh toán hộ	-	21.076.098
Khác	44.128.742	105.621.046
Dài hạn	1.255.194.685	21.124.457
Phải thu lãi cho vay	1.250.194.685	21.124.457
Khác	5.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.752.510.409	1.938.048.946
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>1.250.194.685</i>	<i>21.124.457</i>
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>459.639.964</i>	<i>1.915.427.244</i>
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	<i>42.675.760</i>	<i>1.497.245</i>

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
		Ngàn VND
Hàng hóa	13.307.332	2.414.654
Công cụ, dụng cụ	161.438	298.963
Nguyên vật liệu	101.831	73.339
TỔNG CỘNG	13.570.601	2.786.956
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(376.037)	(272.600)
GIÁ TRỊ THUẦN	13.194.564	2.514.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.756.830	17.006.391	5.078.185	415.157	28.256.563
Mua mới	4.420.218	458.110	1.766.111	-	6.644.439
Thanh lý	(10.177.048)	(551.082)	(1.853.593)	-	(12.581.723)
Phân loại lại	-	92.972	-	(92.972)	-
Số cuối năm	-	17.006.391	4.990.703	322.185	22.319.279
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	15.781.387	797.302	281.274	16.859.963
Khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	189.524	14.938.475	2.596.464	284.187	18.008.650
Khấu hao trong năm	287.965	1.345.524	707.606	8.182	2.349.277
Thanh lý	(477.489)	(11.950)	(389.253)	-	(878.692)
Phân loại lại	-	1.550	-	(1.550)	-
Số cuối năm	-	16.273.599	2.914.817	290.819	19.479.235
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.567.306	2.067.916	2.481.721	130.970	10.247.913
Số cuối năm	-	732.792	2.075.886	31.366	2.840.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Chương trình phần mềm</i>	
Nguyên giá		
Số đầu năm và số cuối năm		<u>48.197.185</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã hao mòn hết</i>		333.210
Hao mòn lũy kế		
Số đầu năm		17.783.617
Hao mòn trong năm		<u>5.982.997</u>
Số cuối năm		<u>23.766.614</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		<u>30.413.568</u>
Số cuối năm		<u>24.430.571</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào các công ty con <i>(Thuyết minh số 11.1)</i>	11.188.437.485	12.563.586.935
Đầu tư vào công ty liên kết <i>(Thuyết minh số 11.2)</i>	<u>286.004.636</u>	<u>286.004.636</u>
TỔNG CỘNG	11.474.442.121	12.849.591.571
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(64.124.964)</u>	<u>(106.429.442)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>11.410.317.157</u>	<u>12.743.162.129</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	99,91	3.277.737.120	-	99,91	3.277.737.120	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Trồng cây công nghiệp	100,00	1.650.000.000	-	100,00	1.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (i)	Trồng cây công nghiệp và chăn nuôi bò	-	-	-	99,99	1.375.149.450	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.513.645	-	100,00	943.513.645	-
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Trồng cây công nghiệp	99,70	798.397.600	-	99,70	798.397.600	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Trồng cây công nghiệp	69,50	695.695.001	-	69,50	695.695.001	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi bò	99,00	615.584.549	-	99,00	615.584.549	(21.242.922)
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Trồng cây công nghiệp và kinh doanh bất động sản	99,53	394.313.155	-	99,53	394.313.155	(51.239.691)
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	171.654.457	-	100,00	171.654.457	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(64.124.964)	100,00	100.000.000	(33.946.829)
TỔNG CỘNG			11.188.437.485	(64.124.964)		12.563.586.935	(106.429.442)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Công ty đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai ("Mía đường HAGL") và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, công ty con của Mía đường HAGL, cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc dự án mía đường tại Lào cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến giao dịch chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong Mía đường HAGL đã được hoàn tất.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp trong Mía đường HAGL ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	147.945.974	56.350.535
Phải trả cho các bên thứ ba	<u>20.446.753</u>	<u>16.107.549</u>
TỔNG CỘNG	<u>168.392.727</u>	<u>72.458.084</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba trả tiền trước	84.896.511	-
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 25)	<u>30.304.994</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>115.201.505</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	189.610.019	49.257.238
Chi phí phải trả phát sinh khi thanh lý công ty con	152.450.400	-
Chi phí lãi vay	430.616	24.012.500
Khác	36.729.003	25.244.738
Dài hạn	-	62.765.852
Chi phí lãi vay	-	62.765.852
TỔNG CỘNG	189.610.019	112.023.090

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.504.320.548	366.505.359
Nhận góp vốn từ các cổ đông (*)	1.197.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi</i>	500.000.000	-
<i>Ông Nguyễn Thanh Quang</i>	232.335.000	-
<i>Ông Nguyễn Mạnh Hùng</i>	232.330.000	-
<i>Bà Vũ Thị Thúy Hương</i>	232.335.000	-
Lãi vay	211.263.641	360.636.540
Mượn tiền	85.750.000	-
Cổ tức phải trả	4.506.440	4.506.440
Phải trả khác	5.800.467	1.362.379
Dài hạn	678.380.824	90.503.476
Lãi vay	678.380.824	90.503.476
TỔNG CỘNG	2.182.701.372	457.008.835
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	1.139.678.635	204.580.094
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 25)</i>	696.748.336	169.092.163
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 25)</i>	346.274.401	83.336.578

(*) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 1909/17/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 19 tháng 9 năm 2017, Công ty đã phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần với giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 việc chào bán vẫn chưa được hoàn thành (*Thuyết minh số 27*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	986.494	6.739.749	(4.800.227)	2.926.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24)	285.831	-	-	285.831
TỔNG CỘNG	1.272.325	6.739.749	(4.800.227)	3.211.847
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	229.158	928.845	(974.502)	183.501
TỔNG CỘNG	229.158	928.845	(974.502)	183.501

17. VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	403.573.305	633.368.773
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	299.597.754	-
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 17.3)	86.717.200	297.091.268
Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 17.1)	12.091.300	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 17.4)	5.167.051	5.179.552
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 17.5)	-	331.097.953
Dài hạn	5.095.823.404	8.114.175.884
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 17.5)	2.083.992.733	5.308.638.933
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 17.3)	2.030.418.476	1.817.205.919
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 17.4)	981.412.195	988.331.032
TỔNG CỘNG	5.499.396.709	8.747.544.657

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	633.368.773	8.114.175.884
Tiền thu từ đi vay	1.241.328.437	147.701.650
Phân loại từ gia hạn hợp đồng	(205.836.317)	205.836.317
Tiền trả nợ gốc vay	(641.520.998)	(2.512.418.104)
Chi phí phát hành trái phiếu	-	8.838.489
Cần trừ với khoản phải thu	(623.754.088)	(865.929.747)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ	(12.502)	(2.381.085)
Số cuối năm	403.573.305	5.095.823.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 25)

Chi tiết vay ngắn hạn bên liên quan, tín chấp, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
<i>Công ty Cổ Phần Hưng Thắng Lợi</i>					
Hợp đồng vay số 01/HĐV-HTL, ngày 20 tháng 6 năm 2017	<u>12.091.300</u>	Ngày 22 tháng 6 năm 2018	4,2%	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh (thanh toán các khoản nợ vay)	Tín chấp

17.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
<i>Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Tiên Phong</i>					
Hợp đồng vay số 2104/HĐTD/TPBANK, ngày 21 tháng 4 năm 2017	<u>299.597.754</u>	Không quá 9 tháng, được quy định cụ thể tại mỗi khế ước nhận nợ	- Khi giải ngân bằng VND: lãi suất năm đầu tiên 10%, sau đó thay đổi hàng quý bằng lãi suất cơ sở năm hạn 3 tháng của TP Bank cộng biên độ 3,2% năm (2017: 10%/ năm) - Khi giải ngân bằng ngoại tệ, lãi suất TP Bank quy định tại thời điểm giải ngân	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây (chanh dây, chuối, thanh long) và mủ cao su	Tài sản của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai và Công ty TNHH Eastern (Cambodia) đã đang và sẽ hình thành lần lượt trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY440746, diện tích 1.804.000 m2 và theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925ha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Vay dài hạn trái phiếu

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	1.694.000.000	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB")	431.000.000	431.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(7.864.324)	(16.702.813)
TỔNG CỘNG	<u>2.117.135.676</u>	<u>2.114.297.187</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả</i>	86.717.200	297.091.268
<i>Vay dài hạn trái phiếu</i>	2.030.418.476	1.817.205.919



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Vay dài hạn trái phiếu (tiếp theo)

Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản thế chấp
ESC (*)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	1.394.000.000	từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	10,5%/ năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB – Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,5%/năm (2017: 10,8 – 11,6)	Cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu kèm chứng quyền có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND (**) được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"). Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành
	Ngân hàng TMCP Quốc dân (**)	300.000.000	từ ngày 17 tháng 2 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021			
IB	VPB	431.000.000	từ ngày 30 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,0%/năm (2017: 10,5 – 11,5)	Cơ cấu lại nợ của Công ty	195.345.440 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 hecta đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của các công ty con của Công ty và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức

Chi phí phát hành (7.864.324)

TỔNG CỘNG 2.117.135.676

Trong đó:

Vay dài hạn trái phiếu 2.030.418.476

Vay dài hạn trái phiếu
đến hạn trả 86.717.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Vay dài hạn trái phiếu (tiếp theo)

(*) Theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 2 năm 2017, VPB, trái chủ của khoản trái phiếu 1.400 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới tối đa đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 3 năm 2017, NCB, trái chủ của khoản trái phiếu 300 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới tối đa đến ngày 17 tháng 2 năm 2021.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng bảo đảm đã ký kết, và diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 44.479 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

(**) *Trái phiếu kèm chứng quyền*

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

17.4 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Bến Nghé	724.124.641	731.055.979
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
TỔNG CỘNG	986.579.246	993.510.584
<i>Trong đó :</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	981.412.195	988.331.032
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	5.167.051	5.179.552

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào và Campuchia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Bến Nghé</i>					
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	724.124.641	31.850.655	từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD năm hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2017: 7,05 – 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của các công ty con
<i>Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)</i>					
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153, ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	2017: 9,50 %/ năm và từ 2018 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãi cuối năm của Sacombank + (cộng) biên độ 2%/ năm được điều chỉnh 3 tháng/lần	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của Công ty
TỔNG CỘNG	986.579.246				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	981.412.195				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.167.051				

(*) Theo thỏa thuận gia hạn khoản vay ngày 1 tháng 3 năm 2017, Sacombank Chi nhánh Sài Gòn đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả khoản vay và thời gian hoàn trả mới tối đa đến ngày 31 tháng 3 năm 2021. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 100% tổng giá trị khoản vay theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng bảo đảm đã ký kết, và diện tích trồng thực tế tại các công ty con của Công ty là 44.479 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.5 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/ năm</i>
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ (Thuyết minh số 25)</i>			
Hợp đồng vay số 10/HĐVHAGL- NNQT ngày 4 tháng 7 năm 2016	1.957.824.733	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	4,20
<i>Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai (Thuyết minh số 25)</i>			
Hợp đồng vay số 02/17/TĐHAGL- NNQT ngày 10 tháng 2 năm 2017	126.168.000	Ngày 17 tháng 2 năm 2020	5,00
TỔNG CỘNG	<u>2.083.992.733</u>		
<i>Trong đó :</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	2.083.992.733		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Ngàn VND</i>				
Năm trước				
Số đầu năm	7.081.438.950	2.550.810	1.185.386.411	8.269.376.171
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	590.000.000	1.062.000.000	-	1.652.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	106.002.834	106.002.834
Số cuối năm	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>1.291.389.245</u>	<u>10.027.379.005</u>
Năm nay				
Số đầu năm	7.671.438.950	1.064.550.810	1.291.389.245	10.027.379.005
Lỗ thuần trong năm	-	-	(9.161.050)	(9.161.050)
Số cuối năm	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>1.282.228.195</u>	<u>10.018.217.955</u>

18.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm Số lượng	Số đầu năm Số lượng
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	767.143.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng hóa

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Doanh thu thuần về bán hàng	<u>1.116.144.245</u>	<u>188.970.898</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên thứ ba</i>	758.315.261	100.374.430
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	357.828.984	88.596.468

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Lãi tiền cho vay	588.725.812	487.795.169
Cổ tức	-	304.875.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	246.844	2.063.843
Khác	<u>2.341.371</u>	<u>15.341</u>
TỔNG CỘNG	<u>591.314.027</u>	<u>794.749.353</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	540.394.590	549.707.937
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con	198.533.750	-
Chi phí phát hành trái phiếu	8.838.489	6.617.188
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(42.304.478)	106.429.442
Khác	<u>4.174.299</u>	<u>905.096</u>
TỔNG CỘNG	<u>709.636.650</u>	<u>663.659.663</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	45.011.892	12.733.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.781.590	8.002.378
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	6.110.576	2.491.935
Chi phí nhân viên	8.711.738	1.903.118
Khác	1.407.988	336.480
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.041.110	22.398.389
Chi phí nhân viên	10.844.014	11.100.863
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.665.148	6.681.229
Khác	<u>21.531.948</u>	<u>4.616.297</u>
TỔNG CỘNG	<u>84.053.002</u>	<u>35.132.300</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Thu nhập khác	18.951.604	838.824
Tiền phạt thu được	13.500.411	-
Khác	5.451.193	838.824
Chi phí khác	(4.786.635)	(6.189.920)
Các khoản phạt	(371.755)	(3.124.371)
Khác	(4.414.880)	(3.065.549)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	<u>14.164.969</u>	<u>(5.351.096)</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	943.205.215	176.066.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.781.590	8.002.378
Chi phí nhân công	19.555.752	13.003.981
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9&10)	8.332.274	9.515.998
Chi phí khác bằng tiền	21.272.810	2.118.008
TỔNG CỘNG	<u>1.021.147.641</u>	<u>208.706.658</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập chịu thuế:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>(9.161.050)</u>	<u>106.002.834</u>
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	5.367.194	7.223.061
Thu nhập cổ tức	-	(304.875.000)
Điều chỉnh khác	<u>10.199.419</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận (lỗ) tính thuế thuần điều chỉnh trước khi chuyển lỗ	<u>6.405.563</u>	<u>(191.649.105)</u>
Lỗ năm trước chuyển sang	<u>(6.405.563)</u>	<u>-</u>
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm hiện hành	-	<u>(191.649.105)</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong năm	<u>-</u>	<u>-</u>
Thuế TNDN trả trước cuối năm	<u>(285.831)</u>	<u>(285.831)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hoãn lại

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 195.340.828 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 201.746.391 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	Không được chuyển lỗ	Ngàn VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
2015	2020	10.097.286 (*)	(6.405.563)	-	3.691.723
2016	2021	191.649.105 (**)	-	-	191.649.105
TỔNG CỘNG		201.746.391	(6.405.563)	-	195.340.828

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(**) Lỗ tính thuế là lỗ ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 195.340.828 ngàn VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Bên liên quan	Vay	512.091.300	-
		Chi phí lãi vay	10.170.173	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	215.646.778	-
		Lãi cho vay	179.711.480	141.250.888
		Bán hàng hóa	88.765.301	46.373.305
		Cho mượn tiền	3.595.223	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	188.735.979	257.431.158
		Vay và mượn	65.891.507	4.075.594.805
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	161.930.104	11.558.000
		Bán hàng hóa	24.725.081	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	148.863.822	-
		Bán hàng hóa	12.834.569	-
		Cho mượn tiền	268.465	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	124.187.971	5.900
		Cho mượn	22.680.362	-
		Mua vật tư	18.235.640	2.259.662
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	89.668.435	69.487.125
		Mua hàng hóa	50.063.259	11.289.707
		Bán hàng hóa	6.894.573	-
		Cho mượn tiền	800.809	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	119.290.583	-
		Bán hàng hóa	15.703.441	30.960.888
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	107.025.611	89.046.422
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	106.447.051	81.782.937
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	50.063.259	-
		Cho mượn	14.020.000	-
		Bán hàng hóa	6.894.573	2.670.570
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bên liên quan	Bán hàng hóa	61.067.210	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	47.338.847	34.335.066
		Bán hàng hóa	9.820.540	5.375.935
		Mua hàng hóa	3.501.325	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	42.583.333	20.987.500
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Lãi cho vay Cho mượn Bán hàng hóa	15.317.124 12.772.000 1.263.229	15.388.024 - 109.600
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Mua hàng hóa	7.938.250	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Bên liên quan	Bán hàng hóa	6.033.014	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	54.684.592	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bên liên quan	Bán hàng hóa	39.609.909	-
Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	6.789.994	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Bên liên quan	Bán hàng hóa	4.653.973	-
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	2.928.797	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	1.511.412	3.198.914
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	1.046.163	1.373.256
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản cố định, hàng hóa	267.562	1.903.798
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	14.073.555
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	10.998.540
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	-	9.926.139
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	-	3.493.144
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Bán hàng hóa	-	110.080
			111.492.402	45.077.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	66.047.152	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	52.364.121	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Mua hàng hóa	30.430.388	-
Công ty TNHH CN & NN Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	29.400.729	-
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	28.667.096	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	11.275.592	-
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Mua hàng hóa	4.548.000	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	2.067.403	3.156.868
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	653.840	-
Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	358.367
Chi nhánh Cơ Khí Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	290.189
			<u>225.454.321</u>	<u>3.805.424</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	10.302.285	40.896.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	-	242.000.002
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay	-	130.000.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	-	120.872.953
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	-	45.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Cho vay	-	33.000.000
			<u>10.302.285</u>	<u>611.768.955</u>

(*) Cho vay ngắn hạn bên liên quan thể hiện khoản cho vay tín chấp với thời hạn hoàn trả đến hết tháng 6 năm 2018 và với lãi suất trung bình từ 7% đến 14%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Ngàn VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i>					
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	409.394.215 4.011.563	798.812.037 413.519	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cổ tức phải thu Chi hộ Lãi cho vay	19.507.500 7.234.722	19.507.500 6.391.705 319.096.868	
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Chi hộ Lãi cho vay	7.239.727	7.212.880 362.314.788	
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Chi hộ Lãi cho vay	5.406.428	5.406.428 255.497.231	
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cán trừ công nợ	2.941.301	2.941.301	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi hộ	2.105.085	2.065.085	
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Khác	589.536	-	
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Khác	557.641	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng tập đoàn	Cho mượn tiền	475.000	-	
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	166.884	6.356.047	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Khác	10.362	-	
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức phải thu	-	81.675.000	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	-	47.736.855	
			459.639.964	1.915.427.244	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (*)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.631.811.594	1.455.792.165
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	799.419.593	520.449.591
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	748.654.354	535.351.402
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cho vay	735.474.043	451.064.043
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	173.395.050	490.998.617
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	98.507.655	95.221.602
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho vay	4.466.000	4.466.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	300.000.000	300.000.000
			4.491.728.289	3.853.343.420
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	422.043.980	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	254.355.304	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	251.639.528	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	185.394.853	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	63.570.833	20.987.500
Công Ty Cổ Phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	63.053.979	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	9.365.327	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi cho vay	770.881	136.957
			1.250.194.685	21.124.457

(*) Cho vay dài hạn các bên liên quan thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 6 năm 2023 và với lãi suất trung bình từ 7% đến 14%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Ngàn VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)</i>					
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Mua vật tư, hàng hóa	83.166.966	3.195.942	
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Mua vật tư	31.708.739	-	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư, hàng hóa	20.883.842	5.367.889	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Đông Pênh	Công ty con	Mua vật tư	7.957.250	-	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua vật tư	3.798.449	-	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ, hàng hóa	430.728	6.605.559	
		Mua khoản đầu tư	-	12.828.645	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua vật tư	-	25.674.802	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua vật tư	-	2.674.574	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua vật tư	-	3.124	
			147.945.974	56.350.535	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13)</i>					
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Tạm ứng mua vật tư	30.304.994	-	
			30.304.994	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Lợi	Bên liên quan	Mượn tiền Lãi vay	500.000.000 10.120.174	- -
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay Thu hộ	107.617.742 -	168.133.553 958.610
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng tập đoàn	Mượn tiền Lãi vay	67.800.000 5.260.420	- -
Công ty Cổ phần khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	5.950.000	-
			696.748.336	169.092.163

Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 15)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	346.274.401	83.336.578
-----------------------------------	------------	---------	-------------	------------

Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 17.1)

Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Lợi	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	12.091.300	-
--------------------------------	---------------	--------------	------------	---

Vay dài hạn (Thuyết minh số 17.5)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	1.957.824.733	5.639.736.886
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng tập đoàn	Vay dài hạn	126.168.000	-
			2.083.992.733	5.639.736.886

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.507.100.800	2.404.370.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt Nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, vào ngày 9 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 7.671.438.950 ngàn VND lên 8.868.438.950 ngàn VND. Vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, chấp thuận việc tăng vốn nói trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng.



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018